

Số: 250/QĐ-SKH&CN

Tiền Giang, ngày 18 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2019
của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang, Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-SKH&CN ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-SKH&CN ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-SKH&CN ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-SKH&CN ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2019 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Dương Văn Bon

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 250/QĐ-SKH&CN ngày 18/12/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công	Trung tâm Kỹ thuật và công nghệ sinh học
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	-	-	-	-		
1	Lệ phí	-	-	-	-		
2	Phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ an toàn bức xạ						
3	Thu khác						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-		
1	Chi sự nghiệp	-	-				
2	Chi quản lý hành chính	-	-				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-		
1	Lệ phí	-	-	-	-		
2	Phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ an toàn bức xạ	-	-				
3	Thu khác	-	-				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.514.063.775	7.514.063.775	7.438.927.972	(129.905.095)	-	205.040.898
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.514.063.775	7.514.063.775	7.438.927.972	(129.905.095)	-	205.040.898
1	Chi quản lý hành chính	47.436.877	47.436.877	(2.658.028)	50.094.905	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	47.436.877	47.436.877	(2.658.028)	50.094.905	-	-
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	(2.658.028)	(2.658.028)	(2.658.028)			
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	50.094.905	50.094.905		50.094.905		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7.466.626.898	7.466.626.898	7.441.586.000	(180.000.000)	-	205.040.898
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	7.441.586.000	7.441.586.000	7.441.586.000			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.040.898	25.040.898		(180.000.000)		205.040.898
3	Chi khác	-	-				
II	Nguồn vốn viện trợ						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						